|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH**  **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**NGÀNH : THIẾT KẾ ĐỒ HỌA**

**MÃ NGÀNH : 7210403**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:200/QĐ-UEF ngày 19/05/2021*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

**1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:**

**Tên ngành đào tạo**:

- Tên tiếng Việt: **THIẾT KẾ ĐỒ HỌA**

- Tên tiếng Anh: **GRAPHIC DESIGN**

Các chuyên ngành:

Chuyên ngành 1. Thiết kế marketing – quảng cáo.

Chuyên ngành 2. Thiết kế nhận diện thương hiệu.

Chuyên ngành 3. Thiết kế giao diện tương tác.

Chuyên ngành 4. Thiết kế đồ họa chuyển động.

**Trình độ đào tạo**: Đại học chính quy.

**Thời gian đào tạo**: 4 năm.

**Tên văn bằng tốt nghiệp**:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Thiết kế đồ họa

- Tên tiếng Anh: Bachelor of Graphic Design

**1.2. Mục tiêu đào tạo**:

***1.2.1. Mục tiêu tổng quát*** (Program general goals)

Đào tạo cử nhân thiết kế đồ hoạ (TKĐH) có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về thiết kế đồ hoạ, có năng lực sáng tạo, thiết kế các sản phẩm đồ họa có tính nghệ thuật cao đáp ứng nhu cầu xã hội.

Đào tạo cử nhân TKĐH với vốn kiến thức cơ bản và chuyên môn sâu với định hướng năng lực thực hành tốt; có khả năng thích nghi với sự biến động của nền kinh tế thị trường và hội nhập vào nền công nghệ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; có một trình độ vững chắc để có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

***1.2.2. Mục tiêu cụ thể*** (Program specific goals)

* **PO1**: Nắm vững và có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nhân văn, mỹ thuật, về lý luận chính trị, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, hiểu biết về an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất;
* **PO2**: Có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản và nâng cao của đồ hoạ và mỹ thuật để tư vấn, thiết kế, xây dựng và đánh giá các sản phẩm liên quan đồ hoạ máy tính ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội;
* **PO3**: Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, khả năng tự học, tự nghiên cứu đáp ứng nhu cầu thực tiễn;
* **PO4**: Có khả năng phân tích dự án đồ họa từ đó hoạch định quy trình thực hiện hiệu quả, có kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ phần mềm thiết kế 2D, 3D hỗ trợ thiết kế, lên ý tưởng và trình bày sản phẩm đồ họa;
* **PO5**: Vận dụng tốt các kiến thức chuyên môn để xây dựng, định hướng, thúc đẩy trình độ thẩm mỹ của người tiêu dùng thông qua các sản phẩm đồ họa;
* **PO6**: Nhận thức đúng đắn vai trò quan trọng của nhà thiết kế trong việc tạo ra những sản phẩm công nghiệp có giá trị thẩm mỹ, giá trị văn hóa, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế;
* **PO7**: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu riêng của nghề, có trách với xã hội, cộng đồng, có phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp, có sức khỏe tốt.

**1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào**:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

**1.4. Điều kiện tốt nghiệp**:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: 199/QĐ-UEF ngày 19/05/2021 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa 2021.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

**2.1. Khối lượng kiến thức:**

Kiến thức toàn khóa học: 132 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

| **Khối kiến thức và lập luận về ngành** | | **Số tín chỉ** | **Tỷ lệ %** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1.1** | **Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành** | **15** | **11,4 %** |
| **1.2** | **Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi** | **21** | **15,9 %** |
| **1.3** | **Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ** | **30** | **22,7 %** |
| **1.4** | **Kiến thức nền tảng rộng** | **32** | **24,2 %** |
| 1.4.1 | Khoa học tự nhiên | 9 |  |
| 1.4.2 | Khoa học chính trị | 11 |  |
| 1.4.3 | Pháp luật | 3 |  |
| 1.4.4 | Tin học | 3 |  |
| 1.4.5 | Thiết kế dự án | 6 |  |
| **1.5** | **Kiến thức ngành gần, khác ngành** | **6** | **4,6 %** |
| **1.6** | **Kiến thức đại cương khác** | **28** | **21,2 %** |
| 1.6.1 | Ngoại ngữ (tiếng Anh) | 28 |  |
| 1.6.2 | Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy |  |  |
| 1.6.3 | Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy |  |  |
| **Tổng cộng:** | | **132** | **100,0 %** |

**2.2. Khung chương trình:**

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | | **Số tín chỉ** | | | | | **Mã HP trước** | **Mã HP song hành** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)* | | | | |
| **Tiếng Việt** | **Tiếng Anh** | **Tổng** | **LT** | **TH/TN** | **ĐA** | **TT** |
| **1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành** | | | | **15** |  |  |  |  |  |  |
| 1.1.1 | GPD1101 | Lịch sử mỹ thuật | Art History | 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| 1.1.2 | GPD1102 | Lịch sử thiết kế đồ họa | History of Graphic Design | 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| 1.1.3 | GPD1103 | Cơ sở tạo hình đồ họa | Principle of Graphic Design | 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| 1.1.4 | GPD1104 | Cơ sở tạo hình mỹ thuật | Art Foundation | 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| 1.1.5 | GPD1205E | Hình họa mỹ thuật | Drawing | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| **1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi** | | | | **21** |  |  |  |  |  |  |
| 1.2.1 | GPD1206 | Tin học chuyên ngành thiết kế đồ họa 1 | Computer Graphic 1 | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.2.2 | GPD1207 | Tin học chuyên ngành thiết kế đồ họa 2 | Computer Graphic 2 | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.2.3 | GPD1208E | Nguyên lý thiết kế | Design Principles | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.2.4 | GPD1214 | Minh họa | Illustration | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.2.5 | GPD1215E | Nghệ thuật chữ | Typography | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.2.6 | GPD1216 | Nhiếp ảnh | Photography | 3 | 1 | 1 | 1 |  |  |  |
| 1.2.7 | GPD1117 | Phát triển ý tưởng sáng tạo | Design Thinking | 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| **1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ** | | | | **30** |  |  |  |  |  |  |
| 1.3.1 | GPD1209E | Đồ họa bao bì | Packaging Design | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.2 | GPD1210E | Đồ họa dàn trang | Layout Design | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.3 | GPD1211E | Đồ họa nhận diện thương hiệu | Brand Identity Graphics | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.4 | GPD1212E | Infographics | Infographics | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.5 | GPD1213E | Đồ hoạ 2D & 3D | 2D & 3D Graphics | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.6 | GPD1333 | Thực tập tốt nghiệp | Graduation Internship | 3 |  |  |  | 3 |  |  |
| *Sinh viên chọn 1 trong 3 chuyên ngành sau hoặc Khóa luận tốt nghiệp* | | | |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Chuyên ngành 1.*** | | ***Thiết kế marketing – quảng cáo*** | ***Marketing and Advertising Design*** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.3.7 | GPD1218E | Nền tảng thiết kế trong marketing – quảng cáo | Design Platform in Marketing and Advertising | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.8 | GPD1219E | Thiết kế nội dung marketing - quảng cáo | Marketing and Advertising Content Design | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.9 | GPD1220E | Quản trị sản phẩm đồ hoạ marketing – quảng cáo | Product Management Graphic Marketing - Advertising | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.10 | GPD1221E | Đồ án thiết kế sản phẩm đồ họa marketing – quảng cáo | Project: Graphic Product Design Marketing - Advertising | 3 |  |  | 3 |  |  |  |
| 1.3.11 | GPD1434 | Khóa luận tốt nghiệp | Thesis | 12 |  |  | 12 |  |  |  |
| ***Chuyên ngành 2:*** | | ***Thiết kế nhận diện thương hiệu*** | ***Brand Identity Design*** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.3.7 | MGT1115E | Quản trị thương hiệu | Brand Mangement | 3 | 3 |  |  |  | MKT1101 |  |
| 1.3.8 | GPD1222E | Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu | Brand Identity Design | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.9 | GPD1223E | Trình bày thương hiệu | Brand Presentation | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.10 | GPD1424E | Đồ án thiết kế sản phẩm đồ họa nhận diện thương hiệu | Project: Visual Identity Graphic Design | 3 |  |  | 3 |  |  |  |
| 1.3.11 | GPD1434 | Khóa luận tốt nghiệp | Thesis | 12 |  |  | 12 |  |  |  |
| ***Chuyên ngành 3:*** | | ***Thiết kế giao diện tương tác*** | ***UI/UX desgin*** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.3.7 | GPD1225E | Thiết kế UI/UX | UI/UX Design | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.8 | GPD1226E | Thiết kế giao diện Web | Web Page Design | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.9 | GPD1227E | Thiết kế giao diện phần mềm | Software Interface Design | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.10 | GPD1428E | Đồ án thiết kế giao diện | Project: Interface Design | 3 |  |  | 3 |  |  |  |
| 1.3.11 | GPD1434 | Khóa luận tốt nghiệp | Thesis | 12 |  |  | 12 |  |  |  |
| ***Chuyên ngành 4:*** | | ***Thiết kế đồ họa chuyển động*** | ***Motion Graphic Design*** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.3.7 | GPD1229E | Đồ họa chuyển động 2D | 2D Motion Graphic | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.8 | GPD1230E | Hiệu ứng và kỷ xảo | Visual Effect | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.9 | GPD1231E | Biên tập phim | Film Editing | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| 1.3.10 | GPD1429E | Đồ án thiết kế sản phẩm đồ họa chuyển động | Project: Motion Graphic Product Design | 3 |  |  | 3 |  |  |  |
| 1.3.11 | GPD1434 | Khóa luận tốt nghiệp | Thesis | 12 |  |  | 12 |  |  |  |
| **1.4 Kiến thức nền tảng rộng** | | | | **29** |  |  |  |  |  |  |
| **1.4.1 Khoa học tự nhiên và xã hội** | | | | ***9*** |  |  |  |  |  |  |
| 1.4.1.1 | SOS1101 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | Vietnam Cultural Establishments | 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| 1.4.1.2 | PSY1101 | Tâm lý học | Psychology | 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| 1.4.1.3 | SOS1106 | Mỹ học đại cương | Aesthetic | 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| **1.4.2 Khoa học chính trị** | | | | ***11*** |  |  |  |  |  |  |
| 1.4.2.1 | POL1111 | Triết học Mác – Lênin | Marxist-Leninist Philosophy | 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| 1.4.2.2 | POL1112 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | Marxist-Leninist Political Economics | 2 | 2 |  |  |  |  |  |
| 1.4.2.3 | POL1113 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | Scientific Socialism | 2 | 2 |  |  |  |  |  |
| 1.4.2.4 | POL1114 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Ho Chi Minh Ideology | 2 | 2 |  |  |  |  |  |
| 1.4.2.5 | POL1115 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | History of the Communist Party of Vietnam | 2 | 2 |  |  |  |  |  |
| **1.4.3 Pháp luật** | | | | ***3*** |  |  |  |  |  |  |
| 1.4.3.1 | LAW1101 | Pháp luật đại cương | Basics of Law | 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| **1.4.4 Tin học** | | | | ***3*** |  |  |  |  |  |  |
| 1.4.4.1 | ITE1201 | Tin học đại cương | Introduction to Computer Basics | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| **1.4.5 Thiết kế dự án** | | | | ***6*** |  |  |  |  |  |  |
| 1.4.5.1 | SKI1107 | Project design 1 | Project Design 1 | 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| 1.4.5.2 | SKI1108 | Project design 2 | Project Design 2 | 3 | 3 |  |  |  | SKI1107 |  |
| **1.5 Kiến thức ngành gần, khác ngành** | | |  | **6** |  |  |  |  |  |  |
| 1.5.1 | MGT1101 | Quản trị học | Principles of Management | 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| 1.5.2 | MKT1101 | Marketing căn bản | Principles of Marketing | 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| **1.6 Kiến thức đại cương khác** | | |  | **31** |  |  |  |  |  |  |
| **1.6.1 Ngoại ngữ** | | |  | ***28*** |  |  |  |  |  |  |
| 1.6.1.1 | ENG2101 | Tiếng Anh 1 | English 1 | 4 | 4 |  |  |  |  |  |
| 1.6.1.2 | ENG2102 | Tiếng Anh 2 | English 2 | 4 | 4 |  |  |  |  |  |
| 1.6.1.3 | ENG2103 | Tiếng Anh 3 | English 3 | 4 | 4 |  |  |  |  |  |
| 1.6.1.4 | ENG2104 | Tiếng Anh 4 | English 4 | 4 | 4 |  |  |  |  |  |
| 1.6.1.5 | ENG2105 | Tiếng Anh 5 | English 5 | 4 | 4 |  |  |  |  |  |
| 1.6.1.6 | ENG2106 | Tiếng Anh 6 | English 6 | 4 | 4 |  |  |  |  |  |
| 1.6.1.7 | ENG2107 | Tiếng Anh 7 | English 7 | 4 | 4 |  |  |  |  |  |
| **1.6.2. Giáo dục thể chất** *(sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau)* | | | | ***3*** |  |  |  |  |  |  |
|  |  | *Nhóm 1* | |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.6.2.1.1 | GYM1311 | GDTC-Aerobic 1 | Physical Education 1 (Aerobic) | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
| 1.6.2.1.2 | GYM1312 | GDTC-Aerobic 2 | Physical Education 2 (Aerobic) | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
| 1.6.2.1.3 | GYM1313 | GDTC-Aerobic 3 | Physical Education 3 (Aerobic) | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
|  |  | *Nhóm 2* | |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.6.2.2.1 | GYM1321 | GDTC-Vovinam 1 | Physical Education 1 (Vovinam) | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
| 1.6.2.2.2 | GYM1322 | GDTC-Vovinam 2 | Physical Education 2 (Vovinam) | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
| 1.6.2.2.3 | GYM1323 | GDTC-Vovinam 3 | Physical Education 3 (Vovinam) | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
|  |  | *Nhóm 3* | |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.6.2.3.1 | GYM1331 | GDTC-Boxing 1 | Physical Education 1 (Boxing) | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
| 1.6.2.3.2 | GYM1332 | GDTC-Boxing 2 | Physical Education 2 (Boxing) | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
| 1.6.2.3.3 | GYM1333 | GDTC-Boxing 3 | Physical Education 3 (Boxing) | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
|  |  | *Nhóm 4* | |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.6.2.4.1 | GYM1341 | GDTC–Thể hình thẩm mỹ 1 | Physical Education 1  (Body-building) | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
| 1.6.2.4.2 | GYM1342 | GDTC–Thể hình thẩm mỹ 2 | Physical Education 2  (Body-building) | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
| 1.6.2.4.3 | GYM1343 | GDTC–Thể hình thẩm mỹ 3 | Physical Education 3  (Body-building) | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
| **1.6.3 Giáo dục quốc phòng an ninh** | | | |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.6.3.1 | MIL1203 | Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết) | Military Education |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú*: Mã MH ký hiệu **xxxxxxE** – môn giảng dạy bằng tiếng Anh.

**2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:**

Phân bố kế hoạch giảng dạy chương trình đào tạo ngành Thiết kế đồ họa (xem trang cuối cùng)

**2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:**

**Lịch sử mỹ thuật: 3 tín chỉ.**

Học phần cung cấp kiến thức tổng quát chung của lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới trong quá trình hình thành và phát triển của nền văn minh nhân loại từ thời nguyên thủy đến nay; Giúp sinh viên hiểu rõ hơn về toàn bộ hoạt động mỹ thuật trong bối cảnh chính trị văn hóa xã hội của từng giai đoạn lịch sử và phong cách, những trường phái sáng tạo của những nghệ sĩ thông qua các tác phẩm tiêu biểu.

**Lịch sử thiết kế đồ họa: 3 tín chỉ.**

Học phần giúp sinh viên có nhận thức về sự phát triển của thiết kế trên thế giới. Qua đó, sinh viên nắm rõ sự khởi đầu của lịch sử Design kể từ triển lãm thế giới tại London (Anh) năm 1851 cung các khuynh hướng trong tạo hình sản phẩm: Chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa công năng (Bauhaus), chủ nghĩa High-Tech và cách mạng môi trường chủ nghĩa hiện đại và hậu hiện đại.

**Cơ sở tạo hình đồ họa: 3 tín chỉ.**

Học phần cung cấp các khái niệm về đồ họa tạo hình hai chiều đồng thời cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về các nguyên lý cơ bản của trang trí (sự lặp đi lặp lại, sự xen kẽ, sự đảo ngược, sự chồng chéo, sự bung tỏa, sự đăng đối đối xứng, sự đan chéo, sự song song đôi nhau) và các quy luật cơ bản về phương pháp bố cục trang trí như quy luật về sự hòa hợp, quy luật về sự thăng bằng cùng các sơ đồ bố cục…

**Cơ sở tạo hình mỹ thuật: 3 tín chỉ.**

Học phần trang bị phương pháp và kiến thức cơ bản về quy trình, phương pháp sáng tạo họa tiết ý thức về phương pháp sáng tác nghệ thuật đi từ nghiên cứu thực tế khách quan đến sáng tạo theo tư duy của người nghệ sỹ. Nắm các phương pháp cách điệu và sáng tạo dựa trên sự nghiên cứu chân dung con người.

**Hình họa mỹ thuật: 3 tín chỉ.**

Học phần cung cấp cho sinh viên các phương pháp biểu diễn một không gian hình học lên một không gian hình học khác rồi dùng các hình biểu diễn ấy nghiên cứu không gian hình học ban đầu. Nghiên cứu các phương pháp biểu diễn vật thể từ không gian 2 chiều lên không gian 3 chiều và dùng biểu diễn ấy nghiên cứu vật thể ở không gian 3 chiều. Rèn luyện tay nghề về phương pháp thể hiện bản vẽ và phương pháp làm việc.

**Tin học chuyên ngành thiết kế đồ họa 1: 3 tín chỉ.**

Học phần cung cấp các kỹ năng thiết kế được các sản phẩm quảng cáo đồ họa bằng phần mềm Adobe Illustrator.

**Tin học chuyên ngành thiết kế đồ họa 2: 3 tín chỉ.**

Học phần cung cấp các kỹ năng và thao tác xử lý ảnh của phần mềm Photoshop, biến đổi chữ và hình ảnh, ghép ảnh. Qua đó phát huy khả năng sáng tạo ra các bức ảnh kỹ thuật số, nâng cao hiệu quả mỹ thuật của bản thiết kế hỗ trợ cho các môn học sau cũng như ở công việc thiết kế.

**Nguyên lý thiết kế: 3 tín chỉ.**

Học phần giúp sinh viên hiểu được các kiến thức cơ về ngôn ngữ đồ họa tạo hình. Tạo dựng khái niệm giữa phương pháp thiết kế với ý tưởng tạo hình. Phối hợp tốt trong việc chắt lọc hình và mảng để phối hòa hợp với màu sắc. Học cách triển khai các ngôn ngữ thiết kế đồ họa trong tạo hình các thiết kế, nâng cao tính sáng tạo trong tư duy thiết kế và phân tích những khía cạnh khác nhau của đối tượng nhằm hình thành bản thiết kế. Qua đó tạo tính tư duy sáng tạo với việc vận dụng hình ảnh cô đọng và ý tưởng thông minh trong quảng cáo một cách hiệu quả nhất. Sau khi hoàn thành các bài tập sinh viên sẽ kiểm soát tốt cách diễn đạt ngôn ngữ đồ họa và có các kiến thức, kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế đồ họa quảng cáo, cổ động, v.v.

**Minh họa: 3 tín chỉ.**

Học phần cung cấp các khái niệm và nguyên lý cơ bản về bản chất nghệ thuật tạo hình, hiểu khái quát lịch sử mĩ thuật, kiến thức cơ bản về màu sắc, luật xa gần, vẽ hình họa, vẽ trang trí, vẽ tranh đề tài và tranh minh hoạ.

**Nghệ thuật chữ: 3 tín chỉ.**

Học phần Nghệ thuật chữ giới thiệu cho sinh viên sự sáng tạo, chức năng và thẩm mỹ của từng kiểu chữ trong thiết kế đồ họa. Bằng việc hiểu những nguyên lý cơ bản của chữ viết, sinh viên sẽ phát triển khả năng thiết kế chữ của mình để đáp ứng được yêu cầu thiết kế. Ngoài ra, sinh viên sẽ được học về các bộ phận chi tiết, vị trí, khoảng cách, … làm nên 1 kiểu chữ để có thể sử dụng trong in ấn và kỹ thuật số.

**Nhiếp ảnh: 3 tín chỉ.**

Học phần cung cấp cho sinh viên biết khái quát về cấu trúc, cách vận hành máy, các phương pháp kỹ thuật sử dụng các loại máy ảnh từ máy cơ đến máy kỹ thuật số, máy tự động. Biết các ưu, nhược điểm của các loại máy ảnh; Biết sơ nét về các nguyên lý kỹ thuật triển khai việc tráng phim, rửa hình cổ điển và in hình trong kỹ thuật hiện đại. Hướng dẫn sinh viên các kiến thức, nguyên tắc về nhiếp ảnh kỹ thuật số để hiểu các thể loại ảnh như: chân dung, phóng sự, phong cảnh, tĩnh vật.

**Phát triển ý tưởng sáng tạo: 3 tín chỉ.**

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng căn bản về Sáng tạo và sự suy nghĩ sáng tạo, Quy trình thực hiện ý tưởng sáng tạo trong thiết kế, góp phần thực hiện được những đồ án chuyên ngành, theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

**Đồ họa bao bì: 3 tín chỉ.**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức như: các loại bao bì, chức năng của bao bì, tính chất của bao bì, các nguyên tắc thiết kế bao bì, các bước thiết kế bao bì … một số nét của công nghiệp bao bì, tính chất của các loại vật liệu, của bao bì từ các vật liệu ấy cũng như phương pháp sản xuất bao bì.

**Đồ họa dàn trang: 3 tín chỉ.**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Kỹ thuật dàn trang sách, báo, tạp chí: Nhập dữ liệu; Nhận diện được 1 số font chữ thông thường; Nhận diện và chuyển đổi bảng mã; Làm việc với chữ; Làm việc với đoạn văn bản; Vẽ các hình cơ bản bằng công cụ vẽ hình vector. Kết hợp các hình cơ bản thành các hình phức tạp; Nhập hình ảnh, thu phóng và quản lý hình ảnh trong trang tài liệu.

**Đồ họa nhận diện thương hiệu: 3 tín chỉ.**

Học phần cung cấp cho sinh viên những nhận thức cơ bản về các đặc điểm, tính chất, vai trò, vị trí của logo, biểu tượng, ký hiệu, huy hiệu, phù hiệu, linh vật,… Trang bị cho sinh viết biết phương pháp, quy trình nghiên cứu, thiết kế các loại logo, biểu tượng, hệ thống giấy tờ văn phòng. Biết khái niệm về hệ thống nhận diện thương hiệu, hệ thống nhận diện sản phẩm, và vai trò của nó trong đời sống kinh tế, thương mại. Trang bị cho sinh viên biết cách thiết lập một bộ hồ sơ đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu.

**Infographics: 3 tín chỉ.**

Học phần cung cấp các khái niệm và nguyên lý cơ bản của đồ hoạ thông tin, các ý tưởng cơ bản và các phương pháp của việc sử dụng hình ảnh hoạ truyền tải thông tin. Cung cấp các kỹ năng sử dụng công cụ đồ hoạ máy tính để trình bày ý tưởng thể hiện một nội dung thông tin.

**Đồ hoạ 2D và 3D: 3 tín chỉ.**

Học phần giới thiệu Tổng quan về hệ thống đồ hoạ máy tính; các kỹ thuật đồ hoạ cơ bản trên máy tính; đồ hoạ trên mặt phẳng (đồ hoạ 2D). Các phép biến đổi đồ hoạ trong mặt phẳng (tịnh tiến, co dãn, quay, biến đổi hệ toạ độ ...); các kỹ thuật vẽ hình chuyển động; các kỹ thuật đồ hoạ tương tác; đồ họa trong không gian (đồ hoạ 3D); một số thuật toán nhanh cho đồ hoạ 3D và tổng hợp ảnh 3D; lập trình đồ hoạ và ứng dụng với OpenGL.

**Thực tập tốt nghiệp: 3 tín chỉ.**

Cũng cố kiến thức lý thuyết đã được học trong nhà trường và vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế. Rèn luyện kỹ năng thực hành thông qua việc thực hiện các công việc thực tiễn mà cơ quan tiếp nhận giao cho sinh viên thực tập. Rèn luyện ý thức chấp hành kỷ luật lao động, thái độ giao tiếp với mọi người, phát huy tinh thần học tập, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề.

**Khóa luận tốt nghiệp: 12 tín chỉ.**

Sinh viên vận dụng kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành đã học để xây dựng một đồ án như: thiết kế sản phẩm đồ hoạ phục vụ cho quảng cáo marketing, hệ thống nhận diện thương hiệu, giao diện ứng dụng và đồ hoạ chuyển động.

**Nền tảng thiết kế trong marketing – quảng cáo: 12 tín chỉ.**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về thiết kế đồ hoạ trong lĩnh vực marketing và quảng cáo. Thông qua học phần, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng cần thiết để tham gia vào vị trí thiết kế cho các dự án marketing của doanh nghiệp sau này.

**Thiết kế nội dung marketing - quảng cáo: 12 tín chỉ.**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc thiết kế nội dung đồ hoạ trong lĩnh vực marketing và quảng cáo. Thông qua học phần, sinh viên sẽ được làm quen với một số chủ đề thiết kế nội dung quan trọng trong lĩnh vực marketing.

**Quản trị sản phẩm đồ hoạ marketing – quảng cáo: 12 tín chỉ.**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc quản trị sản phẩm đồ hoạ trong lĩnh vực marketing và quảng cáo. Thông qua học phần, sinh viên sẽ được làm quen với một số kỹ thuật quản trị các sản phẩm đồ hoạ đặc thù trong lĩnh vực marketing và quảng cáo.

**Đồ án thiết kế sản phẩm đồ họa marketing – quảng cáo: 12 tín chỉ.**

Sinh viên vận dụng kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành đã học để thiết kế sản phẩm phục vụ cho lĩnh vực marketing quảng cáo.

**Quản trị thương hiệu: 03 tín chỉ.**

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết và thực tiển về quản lý sản phẩm và thương hiệu; các lý thuyết hiện đại về nhãn hiệu, giá trị nhãn hiệu và quản lý chiến lược nhãn hiệu. Đồng thời môn học sẽ chú trọng vào nội dung “bằng cách nào” và “tại sao” và giới thiệu những hướng dẫn cụ thể cho việc hoạch định, xây dựng, đo lường và quản lý giá trị thương hiệu (Brand equity).

**Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu: 03 tín chỉ.**

Học phần được thiết kế dựa trên nhu cầu thực tiễn của những người làm marketing chuyên nghiệp. Học phần giúp sinh viên chuyên ngành quản trị thương hiệu hiểu thêm về các nguyên lý mỹ thuật từ cơ bản (bố cục, màu sắc, chữ…) và quá trình triển khai ứng dụng thiết kế bộ nhận dạng thương hiệu (logo, CIP, printad, billboard, POSM…).

**Trình bày thương hiệu: 03 tín chỉ.**

Học phần Digital Branding giới thiệu về công cụ và hoạt động Marketing trong kỷ nguyên kỹ thuật số và cách vận dụng các công cụ này trong quá trình hoạch định chiến lược thương hiệu. Học phần tập trung vào phân tích các công cụ truyền thông kỹ thuật số cho thương hiệu trên môi trường Internet như: website, marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, các công cụ xây dựng mối quan hệ khách hàng trên Internet như: email marketing, mobile marketing, crm và các công cụ digital media trong truyền thông thương hiệu…. Qua đó, sinh viên có khả năng phân tích và vận dụng các công cụ kỹ thuật số vào chiến lược marketing cho thương hiệu trên môi trường Internet, cũng như có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động Digital Branding.

**Đồ án thiết kế sản phẩm đồ họa nhận diện thương hiệu: 03 tín chỉ.**

Sinh viên vận dụng kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành đã học để thiết kế sản phẩm phục vụ cho lĩnh vực nhận diện thương hiệu.

**Thiết kế UI/UX: 03 tín chỉ.**

Học phần giới thiệu nội dung các giai đoạn trong quá trình thiết kế giao diện phần mềm, các thành phần của giao diện UI, các yếu tố đánh giá chất lượng UID. Giới thiệu một số giao diện mẫu trong thực tế.

**Thiết kế giao diện Web: 03 tín chỉ.**

Học phần cung cấp các khái niệm và nguyên lý cơ bản của đồ hoạ thông tin, các ý tưởng cơ bản và các phương pháp của việc sử dụng hình ảnh hoạ truyền tải thông tin. Cung cấp các kỹ năng sử dụng công cụ đồ hoạ máy tính để trình bày ý tưởng thể hiện một nội dung thông tin.

**Thiết kế giao diện phần mềm: 03 tín chỉ.**

Học phần giới thiệu nội dung các giai đoạn trong quá trình thiết kế giao diện phần mềm, các thành phần của giao diện UI, các yếu tố đánh giá chất lượng UID. Giới thiệu một số giao diện mẫu trong thực tế.

**Đồ án thiết kế giao diện: 03 tín chỉ.**

Sinh viên vận dụng kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành đã học để thiết kế sản phẩm phục vụ cho lĩnh vực giao diện tương tác.

**Đồ họa chuyển động 2D: 03 tín chỉ.**

Qua các bài giảng và thực hành, sinh viên sẽ nắm được các kỹ năng và thao tác làm việc với các phần mềm thiết kế đòa họa chuyển động 2D. Tạo ra các sản phẩm đa dạng, phong phú đáp ứng được nhu cầu cùa khách hàng. Phát huy khả năng sáng tạo để tạo ra các sản phẩm có tính thẩm mĩ, nghệ thuật cao.

**Hiệu ứng và kỷ xảo: 03 tín chỉ.**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ảnh và xử lý ảnh bằng phần mềm Photoshop. Sinh viên sẽ được giới thiệu về ảnh số, quá trình thu nhận ảnh, độ phân giải ảnh, mô hình màu RGB-CYMK, các bộ lọc ảnh đơn giản để làm giảm nhiễu ảnh... Bên cạnh đó, các công cụ cơ bản để tạo vùng chọn cũng được trình bày để hướng dẫn cách xử lý ảnh trong vùng chọn và đánh chữ với công cụ Type Tool. Ngoài ra, các công cụ khác cũng được giới thiệu như: công cụ Pen, Pencil, Brush...và các công cụ hiệu chỉnh ảnh. Ngoài phần mềm xử lý ảnh Photoshop, môn học còn cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về quá trình dựng phim như: xây dựng kịch bản, cắt clip video, ghép clip video, sử dụng các hiệu ứng...với phần mềm Adobe Premiere CS4.

**Biên tập phim: 03 tín chỉ.**

Học phần hướng dẫn kỹ thuật quay phim, viết kịch bản phân cảnh phim, biên tập phim ảnh, chèn hiệu ứng, tạo tiêu đề, lồng tiếng, biên tập âm thanh, thiết lập chuyễn động, blend màu trong phim ảnh… sử dụng các phần mềm biên tập phim chuyên nghiệp Adobe Premier, Edius và các Plug-ins mở rộng.

**Đồ án thiết kế sản phẩm đồ họa chuyển động: 03 tín chỉ.**

Sinh viên vận dụng kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành đã học để thiết kế sản phẩm đồ hoạ chuyển động.

**Cơ sở văn hóa Việt Nam: 3 tín chỉ**

Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, bao gồm: điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam, cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam. Học phần xác định các vùng, các đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam, sự phát triển, tiếp biến văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa. Học phần trang bị kiến thức nền tảng nhằm giúp người học lý giải các hiện tượng xã hội từ góc độ văn hóa, từ đó vận dụng vào các hoạt động quan hệ công chúng, đảm bảo phông văn hóa cho cử nhân quan hệ công chúng khi tổ chức các hoạt động nghề nghiệp.

**Tâm lý học: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chung của lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới trong quá trình hình thành và phát triển của nền văn minh nhân loại từ thờ nguyên thủy đến nay; Giúp sinh viên hiểu rõ hơn về toàn bộ hoạt động mỹ thuật trong bối cảnh chính trị văn hóa xã hội của từng giai đoạn lịch sử và phong cách, những trường phái sáng tạo của những nghệ sĩ thông qua các tác phẩm tiêu biểu.

**Mỹ học đại cương: 3 tín chỉ**

Mỹ học là bộ môn khoa học nghiên cứu về nhận thức, thưởng thức cái đẹp trong thiên nhiên, nghệ thuật và xã hội. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về lịch sử phát triển và khái niệm mỹ học, các phạm trù thẩm mỹ, ý thức thẩm mỹ, nghệ thuật như một lĩnh vực thẩm mỹ, các loại hình nghệ thuật. Học phần đề cập đến vấn đề giáo dục thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ đại chúng. Học phần nhằm cung cấp kiến thức rộng, mang tính hệ thống, để người học có thể ứng dụng làm quan hệ công chúng trong lĩnh vực hoạt động nghệ thuật, giải trí, đánh giá thị hiếu, định hướng thẩm mỹ.

**Triết học Mác-Lênin: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác –Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, bao gồm: Chương 1- trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vất đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

**Kinh tế chính trị Mác-Lênin: 2 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Kinh tế chính trị Mác–Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, các học thuyết kinh tế; Hiểu được và biết vận dụng vào trong quá trình phân tích, xử lý, đánh giá hệ thống vấn đề khoa học lý thuyết và khoa học thực tiễn trong từng chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành theo hệ thống quan điểm khoa học, theo tính chất, bản chất của từng hoạt động ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tư vấn trong cuộc sống xã hội. Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1- bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin, cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc trong phát triển của Việt Nam.

**Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 tín chỉ**

Nội dung học phần gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKH). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của CNXHKH.

**Tư tưởng Hồ Chí Minh: 02 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về quốc phòng toàn dân, về phát triển kinh tế và văn hóa, về đạo đức cách mạng và con người mới. Người học biết vận dụng và quá trình tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

**Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (CSVN): 02 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học về kiến thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương nhập môn gồm 03 chương nội dung, cụ thể: Sự ra đời của  Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc (1945 - 1975)**;** Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

**Pháp luật đại cương: 3 tín chỉ**

Học phần Lý luận về Nhà nước nghiên cứu hiện tượng Nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Max- Lenine. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về Nhà nước: nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng của nhà nước. Các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.

**Tin học đại cương: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, khái niệm và các thao tác cơ bản trên một số đối tượng do hệ điều hành quản lý, các tiện ích trên Internet, sử dụng các phần mềm tiện ích thông dụng. Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng soạn thảo văn bản, bảng tính, trình bày báo cáo bằng phần mềm trình diễn.

**Project design 1: 3 tín chỉ**

Học phần Thiết kế dự án 1 đóng vai trò quan trọng (như mục tiêu nêu trên) trong việc hỗ trợ sinh viên đạt chuẩn quốc tế CDIO [Conceive – Design – Implement – Operate: Hình thành ý tưởng - Thiết kế ý tưởng - Thực hiện ý tưởng - Vận hành] trong giáo dục đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường, đồng thời đáp ứng yêu cầu cao về kỹ năng của thị trường lao động.

**Project design 2: 3 tín chỉ**

Với quan niệm “Người học là trung tâm”, môn học tập trung hình thành và phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua chủ đề lớp qua 12 bước cơ bản: 1) Phát hiện vấn đề; 2) Khảo sát sự tồn tại của vấn đề; 3) Khảo sát nhu cầu giải quyết vấn đề và thiết lập các chỉ số mục tiêu; 4) Khảo sát các giải pháp hiện có của vấn đề; 5) Phân tích nguyên nhân của vấn đề và thiết lập các điều kiện ràng buộc cho giải pháp; 6) Chọn nguyên nhân giải quyết; 7) Khảo sát thực trạng vấn đề cụ thể, 8)Khảo sát như cầu giải quyết vấn đề cụ thể; 9) Khảo sát các giải pháp hiện có; 10) Thiết lập các đặc tính kỹ thuật; 11) Đề xuất đánh giá lựa chọn giải pháp; 12) Kế hoạch hiện thực hoá giải pháp. Sinh viên làm việc theo từng nhóm thiết lập các chủ đề nhóm để giải quyết vấn đề tự chọn thuộc khuôn khổ chủ đề lớp.

Với sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên xác định mức độ tự chủ của mình trong quá trình hoàn thành trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm của một thành viên trong nhóm.

Sinh viên tìm kiếm thông tin để chứng minh cho sự tồn tại của vấn đề, nhu cầu giải quyết vấn đề, tìm hiểu các giải pháp hiện tại đối với vấn đề, phân tích các nguyên nhân của vấn đề, thiết lập các chỉ số cơ bản về thiết kế giải pháp, hình thành khái niệm giải quyết vấn đề. Sinh viên sử dụng kiến thức liên ngành trong quá trình hình thành khái niệm giải pháp. Quá trình tìm và giải quyết vấn đề mang tính khoa học và lô-gic cao.

**Quản trị học: 3 tín chỉ.**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp), bao gồm: khái niệm và sự cần thiết của quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, các kỹ năng yêu cầu đối với nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, ra quyết định quản trị, lãnh đạo và động viên nhân viên. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.

**Marketing căn bản: 3 tín chỉ.**

Học phần Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng Marketing căn bản trong hoạt động kinh doanh. Marketing căn bản làm rõ các nội dung chính bao gồm: bản chất của Marketing, môi trường Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường, các công cụ Marketing hỗn hợp (7P) và vấn đề Marketing quốc tế. Ngoài ra, môn học này cũng tạo ra cơ hội vận dụng những khái niệm chính yếu của marketing và phát triển những kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua việc phân tích case study và thực hiện các đề tài tài tiểu luận.

**Tiếng Anh 1: 4 tín chỉ**

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày như miêu tả người, vật, lên kế hoạch cho bản thân. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (bản thân, gia đình, bạn bè,…), giao tiếp học thuật và công sở.

**Tiếng Anh 2: 4 tín chỉ**

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày ở cấp độ tương đối phức tạp hơn so với học phần GEP 1. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc như các vấn đề liên quan đế cá nhân, đưa ra yêu cầu, đặt và mua hàng, nói chuyện trên điện thoại, thể hiện sự quan tâm đến nội dung cuộc đàm thoại.

**Tiếng Anh 3: 4 tín chỉ**

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng ở mức độ khá phức tạp và liên quan đến việc giải quyết các tình huống yêu cầu mức độ ngôn ngữ ở mức tiền trung cấp. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc và tương đối phức tạp trong giao tiếp hằng ngày như nghe và chia sẻ các vấn đề của người khác, khiếu nại, xin lỗi và thể hiện sự đồng cảm.

**Tiếng Anh 4: 4 tín chỉ**

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm ở cấp độ trung cấp trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giao tiếp học thuật và công sở như thể hiện sự đồng ý hay phản đối trong lúc thảo luận, phản hồi thông tin.

**Tiếng Anh 5: 4 tín chỉ**

Học phần được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các điểm văn phạm, cấu trúc nâng cao trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện kỹ năng - chú trọng cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đặc biệt là những kỹ năng làm bài thi IELTS. Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin, trôi chảy, sử dụng từ ngữ linh hoạt, trong hầu hết những tình huống quen thuộc trong đời sống thường ngày cũng như trong công việc; có khả năng thảo luận, nêu quan điểm, nhận xét đánh giá đối với kết quả công việc.

**Tiếng Anh 6: 4 tín chỉ**

Học phần được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các điểm văn phạm, cấu trúc nâng cao trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện kỹ năng - chú trọng cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đặc biệt là những kỹ năng làm bài thi IELTS. Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin, trôi chảy, sử dụng từ ngữ linh hoạt, trong hầu hết những tình huống quen thuộc trong đời sống thường ngày cũng như trong công việc; có khả năng thảo luận, nêu quan điểm, nhận xét đánh giá đối với kết quả công việc. Học phần hướng tới giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

**Tiếng Anh 7: 4 tín chỉ**

Học phần được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các cấu trúc ngữ pháp nâng cao và những bài tập rèn luyện kỹ năng làm bài thi IELTS - chú trọng nâng cao 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Học phần giúp sinh viên rèn luyện và áp dụng hiệu quả các chiến lược làm bài thi, và hướng tới giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

**Giáo dục thể chất 1, 2, 3: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam.

**Giáo dục quốc phòng – an ninh:165 tiết** *(05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020)*

Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

**III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:**

1. Chương trình đào tạo này áp dụng từ khóa tuyển sinh **năm 2021**.
2. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường, Khoa quản lý.
3. Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa, trung tâm, đơn vị quản lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với bản đặc tả trong chương trình đào tạo.
4. Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định liên quan hiện hành của Trường Đại học Kinh tế -Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trưởng Khoa Công nghệ thông tin, Trưởng ngành phụ trách đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần Khoa, Trưởng ngành đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập,…
6. Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật mỗi năm (những thay đổi nhỏ như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá) và rà soát 02 năm một lần (chủ yếu xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần) để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Nguyễn Thanh Giang**